

TÌM HIỂU DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ TẠI ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VÀ SỬ DỤNG TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ VIỆT NAM (LỊCH SỬ 11) Ở ĐỊA PHƯƠNG

GS.TS. NGUYỄN THỊ CÔ* - NGUYỄN ĐỨC TOÀN**

Abstract: Globalization is inevitable irrefutable process, so that we have to integrate looking for the opportunities to promote the industrialization and modernization of the country, towards main targets which may be described as: Rich people - strong nation - equitable, democratic and civilized society. To achieve these goals, building strong internal resources is necessary. From international experiences, countries can only build enough internal resources on the basis of a true spiritual foundation. That is cultural traditions, cultural diversity and unity. This confirms the role, position and importance of cultural heritage in the process of globalization and international integration. To help students has the understanding about the value of cultural heritage in general, and of intangible cultural heritage in particular, thereby preserving heritage with a sense of students, and contribute to promoting the innovation teaching methods to diversify the teaching history organization in high school. In this article, we are pleased to present the issue to learn intangible cultural in Mekong Delta and usability in teaching History of Vietnam class 11 high schools in the area the aim of contributing to improving the quality of subject teaching.

Di sản văn hóa phi vật thể (DSVHPVT) tại địa phương là những sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử (LS), văn hóa, khoa học, được lưu giữ bằng trí nhớ, lưu truyền bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức khác (tiếng nói, chữ viết, diễn xướng dân gian...) từ thế hệ này sang thế hệ khác. Đây là nguồn kiến thức vô cùng quan trọng, phương tiện trực quan quý giá trong dạy học nói chung và dạy học *Lịch sử* (DHLS) nói riêng. Sử dụng DSVHPVT tại địa phương trong DHLSVN góp phần làm phong phú thêm tri thức của học sinh (HS) về quê hương; nhận thức đúng đắn mối quan hệ biện chứng giữa LS địa phương và lịch sử dân tộc (LSDT); giáo dục các em lòng yêu quý, gắn bó với nơi mình sinh ra, lớn lên; hình thành ý thức, trách nhiệm đối với quê hương, đất nước; giữ gìn và phát huy giá trị DSVHPVT ở địa phương. Mặt khác, còn là biện pháp tích cực để thực hiện nguyên lý "học đi đôi với hành", "nhà trường gắn với xã hội", "lí luận gắn với thực tiễn"...

1. Các DSVHPVT tại địa phương cần khai thác sử dụng trong DHLSVN (LS11) khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL)

DSVHPVT ở ĐBSCL rất đa dạng, phong phú với vô số các lễ hội dân gian (lễ hội rước nước, lễ hội Bà Chúa Xứ, lễ Chol Chnam Thmây, lễ hội Ok Om

Boc, lễ hội Nguyễn Trung Trực, lễ giỗ Bùi Hữu Nghĩa...); nghệ thuật diễn xướng dân gian (cải lương, đờn ca tài tử, hát dù kê, múa đèn, múa mâm vàng, hát lí...); tài liệu văn học dân gian (thơ, hò, vè, truyện kể); các nghề truyền thống (dệt lụa Tân Châu, gốm, đóng thuyền...). Đây sẽ là nguồn kiến thức vô cùng quan trọng, giáo viên (GV) có thể khai thác và sử dụng trong DHLSVN lớp 11 ở các trường trung học phổ thông (THPT) tại địa phương.

1.1. Các tài liệu thành văn

1.1.1. Văn học dân gian vùng Tây Nam bộ:

- *Câu đố ở ĐBSCL* có thể chia ra thành nhiều nhóm, như: về hiện tượng thiên nhiên, thực vật, động vật, đồ vật, con người và hoạt động của họ. Chẳng hạn, khi nói về địa danh Rạch Giá (Kiên Giang), nơi đã gắn liền với những chiến công của vị anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực, GV có thể sử dụng câu đố: "*Chỗ này không cạn không sâu/Năm xưa tàu đã chìm đầu lồi này*" (1; tr 176). Việc GV sử dụng câu đố trên vào dạy học nội dung "Nhân dân ba tỉnh miền Tây kháng chiến chống thực dân Pháp" có tác dụng giáo dục rất lớn, giúp thỏa mãn óc tò mò, lòng khao khát

* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

** Trường Đại học Cần Thơ

ham hiểu biết của HS; giúp người học dễ đọc, dễ hiểu, dễ nhớ và dễ vận dụng vào thực tiễn. Ngoài ra, còn có tác dụng lớn trong việc “dùng lại LS”, cụ thể hóa các sự kiện, hiện tượng LSĐT, giúp HS có được những hình ảnh chân thật, sinh động về những gì đã xảy ra trong quá khứ.

- *Ca dao* là loại hình văn học dân gian ghi lại những nét hoang sơ nhưng rất phong phú về sản vật tự nhiên, mô tả tình cảm, ghi dấu LS, khuyên dạy đạo lí, ca ngợi các anh hùng dân tộc, phản ánh đời sống KT-XH... Khi nói về nhân vật Trương Định cùng với tinh thần nghĩa khí của Ông trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, được nhân dân suy tôn là “Bình Tây đại nguyên soái”, GV có thể sử dụng câu ca dao sau: “*Gò Công anh dũng tuyệt vời/Ông Trương dám lá tơi trời đánh Tây/Phất cờ chống nạn xâm lăng/Trương Công nghĩa khí lẫy lừng trời Nam*”(2; tr 112). Sau đó, GV đưa ra câu hỏi: *Em hãy cho biết câu ca dao nói về nhân vật nào? Em có nhận xét gì về nhân vật đó?* Việc GV sử dụng câu ca dao trên vào dạy học nội dung Bài 19 “*Nhân dân Việt Nam kháng chiến chống Pháp xâm lược*”, mục III “*Cuộc kháng chiến của nhân dân Nam kì sau Hiệp ước 1862*”(LS11) sẽ giúp HS có được những biểu tượng đầy đủ về Trương Định, anh hùng dân tộc của quê hương Tây Nam bộ; khơi dậy trong các em sự kính yêu, lòng khâm phục đối với những người có công với quê hương, đất nước. Bên cạnh đó, việc sử dụng ca dao vào DHLSDT còn góp phần tăng tính sinh động, gợi cảm cho bài giảng và tạo hứng thú học tập cho HS.

- *Hò*: Câu hò thường được hình thành trong quá trình sinh hoạt, lao động, tiếng hò rộn ràng, ăn nhịp theo động tác lao động. Tùy theo môi trường sinh hoạt, người ta chia ra: *hò chèo ghe, hò cấy, hò kéo cây, hò xay lúa, hò giao duyên*... Với đoạn hò giao duyên: “*Hò...ơ...ơ...ơ/Kênh xáng mới múc/Chiếc tàu xà lúp nó chạy cũng bình thường/Em muốn ăn con lươn nấu với thịt sườn/Muốn về Trà Ba Lớn nọ ở ở.../Cho tiện đường thăm anh ở...*” (3). GV có thể sử dụng trong dạy học Bài 22 “*Xã hội Việt Nam trong cuộc khai thác lần thứ nhất của thực dân Pháp*”, phần 1: *Những chuyển biến về kinh tế* (LS11), giúp HS thấy được những tác động của chính sách khai thác thuộc địa của Pháp ở Việt Nam - đó là: để khai thác triệt để nguồn tài nguyên thuộc địa, chính quyền thực dân tiến hành cho đào kênh, rạch nối các trung tâm kinh tế của vùng ĐBSCL với Sài Gòn hoặc Nam Vang, như: kênh Xáng Xà No, kênh Trà Ôn, Chợ Gạo, Ô Môn... Tàu “xà lúp” là loại tàu sắt chạy bằng máy hơi nước lần đầu tiên được đưa vào sử dụng ở nước ta, có

trọng tải lớn và tốc độ vận chuyển nhanh. GV sử dụng câu hò trên vào dạy học nội dung này, không chỉ góp phần làm cho bài giảng trở nên sinh động, hấp dẫn, mà còn mở rộng kiến thức, giúp HS hiểu được bên cạnh những tác hại của chính sách khai thác thuộc địa của Pháp, mặt nào đó nó cũng đem đến sự phát triển cho vùng ĐBSCL, nhất là về mặt giao thông vận tải.

- *Vè*: Vè thường là những câu ngắn gọn, dễ đọc, dễ nhớ, phản ánh những vấn đề mang tính thời sự, kèm theo đó là thái độ phê phán, đả kích hoặc cổ vũ có định hướng, khuấy động gây sự chú ý. Chẳng hạn, bài *Vè trốn lính*, có đoạn: “... *Năm nay “kinh tế”/Không tiền đóng thuế/Nước mắt ròng ròng/Gặp lính xách công/Mạnh ai nấy chạy...*”(4). GV sử dụng bài vè trên vào dạy học nội dung Bài 24 “*Việt Nam trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918)*”, mục I: *Tình hình KT-XH* (LS11), nhằm giúp HS thấy được xã hội Việt Nam trong những năm đầu của thế kỉ XX dưới chính sách cai trị của thực dân Pháp đã làm cho sức sản xuất trong nông nghiệp giảm sút nghiêm trọng và đời sống nông dân ngày càng bần cùng; nạn bắt lính cho cuộc chiến ở châu Âu vào những năm đầu thế kỉ XX...; góp phần cụ thể hóa sự kiện, hiện tượng LS đang học, phong phú thêm kiến thức LSĐT; tác động sâu sắc đến tư tưởng, tình cảm của các em khi học tập LS.

1.1.2. *Thơ văn yêu nước Nam bộ*: Ở Nam bộ, trước khi thực dân Pháp xâm lược, những sáng tác văn chương, thi phú, ít được nói đến so với những vùng phía Bắc, chỉ có một số thơ văn chữ Hán, chữ Nôm của nhóm “chiêu anh các Hà Tiên”, “Gia Định tam gia thi xã”. Nhưng chỉ trong một thời gian ngắn kháng chiến chống Pháp, khối lượng cũng như chất lượng thơ văn ở “Lục tỉnh” đã phát triển, nội bật và rất độc đáo. Những áng thơ văn đương thời chẳng những phản ánh được phong trào đấu tranh anh dũng chống Pháp của dân tộc mà còn là những công trình nghệ thuật có giá trị. Do đó, sử dụng những câu thơ, đoạn trích ngắn trong các tác phẩm văn học Nam bộ vào DHLSDT giai đoạn 1858-1918 sẽ làm tăng sự “cảm thụ LS” cho HS thêm phần tinh tế và sâu sắc hơn.

1.2. Tài liệu trong dân gian

1.2.1. *Lễ hội dân gian ở ĐBSCL* là một hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian phổ biến. Nó tổng hợp nhiều loại hình văn hóa dân gian khác nhau, như: tín ngưỡng, phong tục, tập quán, văn nghệ dân gian, trò chơi dân gian... nhắc nhở con người về tình quê hương đất nước; góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng. Đây là chất nhân văn của tất cả lễ hội diễn ra tại ĐBSCL. Chẳng hạn, khi DHLSDT giai

đoạn 1858-1918, GV có thể tổ chức cho HS tham gia một số lễ hội, như: Hội cúng đình, lễ giỗ Trương Định, lễ giỗ Nguyễn Trung Trực, lễ giỗ Bùi Hữu Nghĩa, lễ hội Tứ Kiệt... Ngày nay, "Lễ hội Nguyễn Trung Trực" là một trong những lễ hội lớn nhất vùng đất Tây Nam bộ; hàng năm, cứ đến ngày 26, 27, 28/8 (âm lịch) là nhân dân khắp các tỉnh ĐBSCL, TP. Hồ Chí Minh và Đông Nam bộ lại về Rạch Giá (Kiên Giang) để tham dự "lễ giỗ cụ Nguyễn", "ngày hội Nguyễn Trung Trực". Tổ chức cho HS tham gia "Lễ hội Nguyễn Trung Trực" không những giúp các em hiểu biết thêm về con người và những đóng góp của Ông đối với phong trào kháng chiến chống Pháp xâm lược ở Tây Nam bộ nói riêng, Nam bộ nói chung, mà còn thấy được sự tôn kính của người dân địa phương với Ông; tình cảm, tình thân "uống nước nhớ nguồn" của nhân dân ta. Đó là giá trị truyền thống cần được bảo lưu, giữ gìn và phát triển.

1.2.2. *Đờn ca tài tử* là một hoạt động văn hóa nghệ thuật dân gian độc đáo được sáng tác dựa trên dòng nhạc lễ, nhã nhạc cung đình và những giai điệu ngọt ngào, sâu lắng của dân ca miền Trung và dân ca miền Nam. Nghệ thuật đờn ca tài tử đã trở thành bản sắc văn hóa độc đáo của vùng ĐBSCL nói riêng và Nam bộ nói chung. Ví dụ, khi dạy học Bài 19 "*Nhân dân Việt Nam kháng chiến chống Pháp xâm lược*", mục: *Thực dân Pháp chiếm ba tỉnh miền Tây Nam ki (LS11)*. Sau khi áp đặt nền bảo hộ lên Campuchia (1863), Pháp vu cáo triều đình Huế vi phạm điều ước và yêu cầu triều đình giao nốt 3 tỉnh miền Tây Nam ki cho chúng kiểm soát. Trước sức ép về vũ lực của thực dân Pháp và để tránh những tổn thất về người và của, Phan Thanh Giản đành giao 3 tỉnh miền Tây cho Pháp. Sau đó, ông đã quyết định tuyệt thực và hi sinh vào năm 1867. Để làm tăng thêm tính sinh động cho bài giảng và giúp HS có cái nhìn đúng đắn hơn về Phan Thanh Giản, GV có thể sử dụng bài Lí Mĩ Hưng: "*Đò ngang sang qua bờ bên kia/Là nơi trang sử vàng còn ghi/Đất Vĩnh Long chính là nơi/Ngày xưa Pháp quân xâm lược/Cụ Phan Thanh Giản thành danh/Vì không... thế giữ thành... nên ông phải liều... thân... chết cùng non sông*"(5).

Qua bài hát này, không chỉ giúp bài học trở nên sinh động, mềm mại, bớt khô khan, mà còn giúp HS dễ nhớ, dễ hình dung về các sự kiện hiện tượng LS được cung cấp trong bài học; hiểu hơn về loại hình nghệ thuật "đờn ca tài tử", loại hình văn hóa nghệ thuật dân gian đã được UNESCO công nhận là DSVHPVT đại diện của nhân loại; biết trân trọng, yêu quý cũng như định hướng thị hiếu thưởng thức âm nhạc của các em. Hơn nữa, việc đưa "đờn ca tài tử"

vào DHLSDT sẽ tạo niềm đam mê, khả năng biểu diễn, cảm thụ những làn điệu dân ca; nâng cao ý thức, trách nhiệm của thế hệ trẻ trong việc giữ gìn và phát huy những giá trị di sản quý báu của cha ông để lại.

Có thể khẳng định, DSVHPVT ở ĐBSCL rất phong phú và đa dạng, là nguồn tài liệu vô cùng quý giá. Do đó, trong dạy học, GV LS ở các trường THPT khu vực ĐBSCL nên khai thác và sử dụng hiệu quả những nguồn tài liệu này nhằm góp phần nâng cao hiệu quả dạy - học bộ môn ở trường THPT hiện nay.

2. Một số cách thức sử dụng DSVHPVT tại địa phương trong DHLSVN (LS11) ở khu vực ĐBSCL

2.1. *Sử dụng khi tiến hành bài học LSDT ở trên lớp*. Đối với những sự kiện ở địa phương được đề cập trong SGK, như: Pháp chiếm 3 tỉnh miền Tây; nhân dân 3 tỉnh miền Tây kháng chiến chống thực dân Pháp; các cuộc kháng chiến của Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Hữu Huân... GV có thể sử dụng tài liệu viết về DSVHPVT ở địa phương để cụ thể hóa những sự kiện, hiện tượng LS này trở thành sự kiện LSDT, giúp HS hiểu sâu sắc, cụ thể hơn LSDT; hiểu rõ hơn LS địa phương, văn hóa truyền thống địa phương rõ ràng, chính xác và có tầm khái quát cao. Từ đó, HS tự hào về những truyền thống quý báu của quê hương mình và sẽ ra sức phấn đấu học tập.

Với những sự kiện, hiện tượng LS ở địa phương không có trong SGK, nhưng có ý nghĩa quan trọng đối với địa phương, chẳng hạn: cuộc kháng chiến của các tôn giáo (Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa); sự ra đời của nghệ thuật "đờn ca tài tử" Nam bộ... GV sử dụng tài liệu viết về DSVH phi vật thể ở địa phương để liên hệ thực tế khi dạy học những sự kiện LSDT. Qua đó, giúp các em biết được những đóng góp của địa phương đối với quá trình xây dựng, bảo vệ và phát triển văn hóa truyền thống dân tộc. Tài liệu viết về DSVHPVT ở ĐBSCL trong giai đoạn 1858-1918 vô cùng phong phú và đa dạng, GV cần phải khai thác triệt để, nhằm làm phong phú thêm kiến thức LSDT, giúp HS hiểu sâu sắc hơn về những giá trị DSVHPVT của quê hương.

2.2. *Sử dụng khi tiến hành bài học LSDT tại nơi có DSVHPVT*. Việc tổ chức bài học LSDT tại nơi có DSVHPVT ở địa phương có ý nghĩa rất lớn đối với HS. Khi HS vừa được nghe GV giảng bài vừa được tận mắt quan sát những "dấu vết" của quá khứ, giúp quá trình nhận thức của các em sẽ dễ dàng và khắc sâu kiến thức hơn; phát triển trí tưởng tượng, đa dạng hóa hoạt động nhận thức, gây hứng thú học tập bộ môn. Tiến hành bài học LSDT tại nơi có DSVHPVT

còn là phương thức thực hiện nguyên lí “học đi đôi với hành”, “nhà trường gắn với xã hội”, “lí luận gắn với thực tiễn”, có tác dụng nâng cao hiểu biết về kiến thức LSĐT, văn hóa và giáo dục, lòng yêu quê hương, đất nước, óc thẩm mĩ cho HS.

2.3. Sử dụng khi tổ chức các hoạt động ngoại khóa. Ngoại khóa là một hoạt động nằm trong chương trình học tập nhằm hỗ trợ, bổ sung và củng cố kiến thức HS đã được học trong bài nội khóa. Tổ chức các hoạt động ngoại khóa tìm hiểu về DSVHPVT tại địa phương là chủ đề mở, GV có thể tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa sinh động, thu hút sự tham gia tích cực của HS. Chẳng hạn:

- *Hướng dẫn các nhóm HS tìm hiểu và xây dựng báo cáo chuyên đề về DSVHPVT tại địa phương.* Căn cứ vào nội dung chương trình LSVN giai đoạn 1858-1918 và nội dung các DSVHPVT tại ĐBSCL, GV có thể hướng dẫn các nhóm HS tìm hiểu, xây dựng báo cáo chuyên đề về DSVHPVT tại địa phương. Để làm được điều này, GV phải giúp HS xác định được chuyên đề cần tìm hiểu, công việc cần thực hiện (chia nhóm, giao nhiệm vụ, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ, xây dựng chuyên đề báo cáo, hình thức báo cáo, trình bày báo cáo và đánh giá báo cáo) theo các bước quy định.

- *Tổ chức cho HS tham gia các lễ hội truyền thống ở địa phương.* Việc làm này giúp HS hiểu sâu sắc hơn về truyền thống, cội nguồn của dân tộc. Đồng thời, bồi dưỡng cho các em lòng thành kính, biết ơn những người có công với quê hương, đất nước. Tham gia lễ hội tạo điều kiện cho HS được trải nghiệm thực tế, giao lưu, học hỏi, củng cố và phát triển mối “cộng cảm” trong cộng đồng làng, nước và nhân loại; tạo cho các em cảm giác linh thiêng, đưa con người về với cội nguồn, hướng về chân - thiện - mĩ.

- *Tổ chức “dạ hội LS” với chủ đề tìm hiểu về DSVHPVT ở địa phương.* Đây là hoạt động có tính chất tổng hợp, thu hút đông đảo HS tham gia dưới định hướng và phối hợp của GV, các tổ chức của nhà trường. GV có thể tổ chức “dạ hội LS” với chủ đề: “*Tìm hiểu di sản văn hóa dân gian quê hương vùng Tây Nam bộ*”. Để tổ chức buổi dạ hội, đòi hỏi chuẩn bị hết sức công phu từ xây dựng kế hoạch, nội dung đến đánh giá tổng kết và trao giải. Tuy nhiên, ngoài sự tích cực của HS, tận tâm, tận tình của GV, vấn đề kinh phí tổ chức rất tốn kém, nên hoạt động ngoại khóa này không được thực hiện thường xuyên.

3. Một số yêu cầu GV cần đảm bảo khi khai thác, sử dụng DSVHPVT tại địa phương trong DHL SVN (LS11) khu vực ĐBSCL

3.1. Về khai thác nội dung, GV cần đảm bảo:

- *Tính khoa học:* Tài liệu DSVHPVT được sử dụng phải đảm bảo tính chính xác, cụ thể, phù hợp với nội dung kiến thức cơ bản của bài; phản ánh khách quan đúng sự kiện, hiện tượng, nhân vật LS; - *Tính tư tưởng:* GV dạy LS phải đứng vững trên lập trường, quan điểm của Đảng, quán triệt chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục, về LS cũng như về văn hóa... để lựa chọn được các nguồn tài liệu DSVH phản ánh đúng sự thật LS, tránh xuyên tạc, bóp méo LS; - *Tính sư phạm:* Những tài liệu DSVHPVT ở địa phương được lựa chọn phải tiêu biểu nhất và phù hợp với trình độ nhận thức của HS.

3.2. Khi tiến hành các biện pháp sử dụng, GV cần đảm bảo những yêu cầu sau: - *Căn cứ vào mục tiêu bài học.* Mục tiêu được xác định đúng là cơ sở để GV lựa chọn những nội dung DSVHPVT ở địa phương phù hợp với mục tiêu của bài học; từ đó, lựa chọn, sử dụng các hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học để đạt được hiệu quả cao nhất; - *Giúp HS nắm vững kiến thức cơ bản của bài.* GV cần lựa chọn những nội dung DSVHPVT ở địa phương tiêu biểu nhất để làm rõ đơn vị kiến thức đang học, kích thích sự hứng thú học tập, giúp các em có thể hiểu nhanh, nhớ lâu kiến thức LS; - *Phát huy tính tích cực độc lập nhận thức của HS.* GV cần chú ý đến việc phát triển tư duy cho HS, hướng dẫn các em suy tầm, lựa chọn kiến thức phục vụ cho học tập, kích thích óc tìm tòi, khả năng sáng tạo tối đa từ HS; - *Kết hợp linh hoạt, sáng tạo với các phương pháp dạy học khác.*

Mỗi phương pháp dạy học có ưu thế riêng, tuy nhiên, trong một tiết dạy, GV không thể chỉ sử dụng một phương pháp mà cần kết hợp linh hoạt, sáng tạo các phương pháp khác nhau để bài học đạt hiệu quả cao nhất.

Sử dụng DSVHPVT tại địa phương trong DHLSDT có vai trò, ý nghĩa to lớn giúp bồi dưỡng kiến thức, phát triển kĩ năng, định hướng thái độ của HS. Qua đó, góp phần hình thành và phát triển các năng lực học tập bộ môn, đặc biệt là năng lực thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Để việc sử dụng có hiệu quả, đòi hỏi GV LS không chỉ nắm vững chuyên môn, kiến thức LS địa phương, kiến thức văn hóa nói chung và lí luận dạy học bộ môn, mà còn phải có lòng yêu nghề, hết lòng với công việc. □

(1) Trần Phong Điều - Trần Minh Thương. **Câu đố**

(Xem tiếp trang 22)

tính chủ động và chưa mang tính chiến lược trong công tác chỉ đạo; - Về công tác giảng dạy của GV và học tập của HS: + Ban giám hiệu và GV đều chưa được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ có nội dung liên quan đến NL “Tư duy phê phán và sáng tạo”, NL “Công dân toàn cầu”, chưa thực sự hiểu hết nội hàm khái niệm những NL tổng hợp nên việc tích hợp trong giảng dạy còn nhiều hạn chế. Bên cạnh đó, điều kiện hạn chế về cơ sở vật chất và số lượng HS quá đông cũng là những trở ngại trong việc tích hợp những NL này trong giảng dạy và học tập; - Việc tích hợp NL tổng hợp vẫn chưa có văn bản chỉ đạo một cách chính thống và cụ thể, GV làm theo cảm tính và khả năng của bản thân là chủ yếu.

3.2. Kiến nghị:

- Đối với các cấp quản lý chỉ đạo (Bộ, Sở, Phòng GD-ĐT), cần: + Có các văn bản chỉ đạo thể hiện rõ nhiệm vụ cụ thể của nhà trường trong việc tích hợp NL tư duy phê phán và sáng tạo cũng như NL công dân toàn cầu; + Đưa nội dung về hai NL vào các đợt tập huấn, bồi dưỡng GV. Nội dung tập huấn cần đề cập đến những vấn đề khái niệm, các nội dung có thể tích hợp NL tổng hợp, cách thức thực hiện, phương pháp giảng dạy và hoạt động đánh giá những NL này; quy định chuẩn của NL phù hợp với lứa tuổi, tâm lý, phù hợp với thực tiễn chương trình học; + Đồng bộ hóa thiết bị, đồ dùng dạy học với chương trình và SGK và có đủ thiết bị để HS được tự làm, tự trải nghiệm, qua đó các em mới phát huy được NL của HS, đồng thời khắc sâu kiến thức.

- Đối với Ban chỉ đạo đổi mới chương trình và SGK phổ thông sau năm 2015, cần: lồng ghép nội dung hai NL trong các môn học, hoạt động giáo dục.

- Đối với nhà trường, cần: + Chủ động xây dựng kế hoạch có lồng ghép tích hợp NL tư duy phê phán và sáng tạo cũng như NL công dân toàn cầu trong các hoạt động của nhà trường; chú ý tới việc giám sát, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện kế hoạch; + Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, môi trường học tập tích cực. Đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất, chế độ chính sách cho GV để thực hiện tích hợp hai NL có hiệu quả.

- Đối với GV, cần: + Tham gia tích cực bồi dưỡng về nội dung, phương pháp dạy học cũng như cách thức tổ chức lớp học để đủ khả năng giảng dạy tích hợp những NL này; + Có bộ công cụ chuẩn cho từng loại NL, trong đó nêu rõ các khái niệm, nội hàm, mức độ yêu cầu, đánh giá triển khai từng loại NL.

- Đối với cộng đồng, cần: Tăng cường sự phối hợp

chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội để thực hiện hiệu quả việc tích hợp các NL tổng hợp.

* * *

NL tư duy sáng tạo và phê phán, NL công dân toàn cầu rất cần thiết cho HS ngay từ cấp tiểu học. Mặc dù chưa có những chỉ đạo cụ thể trong việc dạy và học nhưng thông qua đổi mới phương pháp dạy học và đa dạng hóa hình thức học tập HS cũng đã dần được hình thành và phát triển các NL nói trên. Tuy nhiên, để phát triển NL cho các em một cách có hiệu quả cần có sự đổi mới một cách đồng bộ từ khâu chính sách đến việc thực hiện giảng dạy tại nhà trường. □

Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD-ĐT, UNESCO và Samsung. **Sáng kiến giáo dục vì sự phát triển bền vững tại Việt Nam** (Báo cáo tóm tắt), 2014.
2. UNESCO. Integrating Transversal Competencies in Education Policy & Practice (Phase I). Regional Synthesis Report. ERI-Net Regional Policy Study Series, 2014.

Tìm hiểu di sản văn hóa phi vật thể...

(Tiếp theo trang 35)

Thai ở Mỹ Xuyên, Sóc Trăng - Dưới góc nhìn thi pháp thể loại. NXB Văn hóa - Thông tin, H. 2014.

(2) Nguyễn Phan Quang - Lê Hữu Phước. **Hỏi đáp về cuộc Khởi nghĩa Trương Định.** NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh. 2008.

(3) www.namkiluctinh.com: “Ca dao, dân ca Kinh Xáng, Cửu Long” (dẫn theo Nguyễn Văn Ba).

(4) **Báo Cần Thơ Online** (www.baocantho.com.vn): “Từ ca dao và vè, hiểu thêm về quê hương Cần Thơ” (dẫn theo Xuân Nhi).

(5) www.dacohoailang.com: “Liên khúc Lí Nam kỳ lục tỉnh” (dẫn theo Lê Thành Công).

Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD-ĐT - Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch. Công văn số 73/HD-BGDĐT-BVHTTDL ngày 16/01/2013 về việc hướng dẫn “*Sử dụng di sản văn hóa trong dạy học ở trường phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên*”.

2. Phan Ngọc Liên - Trịnh Đình Tùng - Nguyễn Thị Côi. **Phương pháp dạy học Lịch sử.** NXB Đại học Sư phạm, H. 2002.

3. Phan Ngọc Liên (tổng chủ biên kiêm chủ biên). **Lịch sử 11.** NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2009.

4. Bảo Định Giang. **Thơ văn yêu nước Nam bộ nửa sau thế kỉ XIX.** NXB Văn học, TP. Hồ Chí Minh. 1977.

5. Nguyễn Phan Quang - Lê Hữu Phước. **Khởi nghĩa Trương Định.** NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh. 2001.